

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - VĨNH LONG**
Bản án số: 71/2026/DS-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 19-8-2026
V/v tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa
vụ về tài sản do người chết để lại xuất
phát từ hợp đồng san lấp cát

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Chính.

Bà Đặng Thị Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thúy Lam – Thư ký của Tòa án nhân dân khu
vực 11 - Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh
Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2026/TLST-DS ngày 10 tháng 6
năm 2026 về “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để
lại xuất phát từ hợp đồng san lấp cát*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
165/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn P, sinh ngày: 01-01-1970; Địa chỉ: ấp Đ (nay là
ấp D), xã N, tỉnh Vĩnh Long (*Vắng mặt có lý do*).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm: 1974;
Địa chỉ: ấp T, xã C, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 27-5-2026) (*Có
mặt*).

- Bị đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày: 01-01-1961 (*Có mặt*);

2/ Bà Từ Ngọc Bích T1, sinh ngày: 24-6-1980 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*);

3/ Ông Từ Hữu Đ, sinh năm: 1985 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*);

Cùng địa chỉ: ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long

4/ Bà Từ Ngọc D1, sinh năm: 1983; Địa chỉ: 13.01 (TTB 13.01A) Chung cư
LT, đường H, khu phố 40, phường B, thành phố Hồ Chí Minh (*Có đơn yêu cầu xét
xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 27-5-2026, đơn khởi kiện (xác định lại người bị kiện,
nội dung khởi kiện) ngày 27-7-2026, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án,*

nguyên đơn ông Lê Văn Phúc do người đại diện hợp pháp là bà Trần Thị D trình bày:

Vào ngày 04-8-2022, ông Từ Ngọc M và ông Lê Văn P có lập hợp đồng san lấp cát với giá trị của công trình là 180.000.000 đồng. Thỏa thuận: Sau khi san lấp cát, ông M sẽ trả cho ông P trước số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại 130.000.000 đồng trong thời hạn 01 năm ông M phải trả đủ cho ông P, ông M có ký tên xác nhận. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông P đã thực hiện san lấp cát xong. Ngày 04-8-2023, ông M đã trả cho ông P nhận 50.000.000 đồng, còn nợ lại 130.000.000 đồng. Sau đó, ông P đã nhiều lần yêu cầu ông M và vợ là bà Nguyễn Thị T thanh toán tiền nợ như đã cam kết trong hợp đồng, nhưng ông M, bà T chỉ hứa hẹn kéo dài thời gian mà không chịu trả. Năm 2024 ông M chết. Ngày 27-3-2025, bà T có trả cho ông P được số tiền 10.000.000 đồng và bà T cam kết đến ngày 04-8-2025 sẽ trả đủ tiền còn lại 120.000.000 đồng cho ông P, đồng thời bà T giao cho ông P giữ bản chính một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 275A, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.540m², loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long để làm tin, khi nào bà T trả hết tiền thì ông P sẽ trả lại giấy đất. Nhưng đến nay đã quá thời hạn cam kết, bà T vẫn không trả tiền cho ông P.

Nên ông P kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà T và các con của ông M, bà T gồm Từ Ngọc Bích T1, Từ Ngọc D1, Từ Hữu Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Phúc số tiền san lấp cát ông Mai còn nợ là 120.000.000 đồng trả trong phạm vi di sản do ông M chết để lại, rút phần kiện đối với em Từ Hữu D2 do em D2 là cháu nội không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M theo quy định của pháp luật và rút một phần yêu cầu tiền lãi, do nay ông P xác định lại tính lãi mức lãi suất 0,83%/tháng, từ ngày 04-8-2023 đến ngày 24-7-2026 với số tiền là 39.939.000 đồng, tổng cộng số tiền gốc và lãi 159.939.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất phát sinh từ ngày 25-7-2026 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Ông P sẽ giao trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 275A đã nêu cho vợ con ông M.

Tại bản tự khai ngày 29-6-2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ông Từ Ngọc M là chồng hợp pháp của bà. Bà và ông M có chung 03 người con là Từ Ngọc Bích T1, Từ Ngọc D1, Từ Hữu Đ, ngoài ra không có con chung, con riêng nào khác. Về nội dung ông Lê Văn P khởi kiện thì bà xác nhận: Vào ngày 04-8-2022, giữa ông M với ông P có ký xác lập hợp đồng san lấp cát với giá trị công trình là 180.000.000 đồng, bà có cùng ký tên trong hợp đồng với ông M, ông P. Sau khi ông P san lấp cát xong, ông M đã trả cho ông P nhận số tiền 50.000.000 đồng, còn lại 130.000.000 đồng thỏa thuận trong thời hạn 01 năm ông M sẽ trả đủ cho ông P. Do bệnh nặng, nên ông M đã chết vào năm 2024. Ngày 27-3-2025, bà có trả cho ông P được số tiền 10.000.000 đồng và bà có ký tên Tờ cam kết đến ngày 04-8-2025 sẽ trả đủ tiền còn lại 120.000.000 đồng cho ông P, đồng thời bà có giao cho ông P giữ bản chính một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 275A mà ông P đã nêu để làm tin. Nhưng sau đó do hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn, nên đến nay bà và các con vẫn chưa thể trả được tiền còn nợ.

Nay ông P yêu cầu bà và các con (T1, D1, Đ) phải trả tiếp số tiền 120.000.000 đồng ông M còn nợ trong phạm vi di sản của ông M, thì gia đình bà đồng ý trả, nhưng xin trả dần dần vì hoàn cảnh đang gặp khó khăn. Khi nào trả xong nợ, ông P phải giao trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 275A cho gia đình bà. Và bà xin ông P xem xét bỏ lãi, do trả nợ gốc đã rất khó khăn, không khả năng trả lãi.

Đối với bị đơn bà Từ Ngọc Bích T1, bà Từ Ngọc D1, ông Từ Hữu Đ: Là con chung của ông Từ Ngọc M với bà Nguyễn Thị T. Đối với bà T1, ông Đ có hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long; Còn bà D1 đã cắt chuyển hộ khẩu theo chồng về phường B, thành phố Hồ Chí Minh nhưng vẫn có trở về địa phương thăm người thân, đám giỗ ông M và lễ Tết. Quá trình tố tụng vụ án, các đương sự này được triệu tập hợp lệ đến dự các phiên làm việc, nhưng vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt xác định ông P rút một phần yêu cầu lãi số tiền 56.628.000 đồng và giữ nguyên rút phần khởi kiện đối với em D2; Còn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ tổng cộng 131.952.000 đồng (Gồm: Nợ gốc 120.000.000 đồng; Nợ lãi 11.952.000 đồng) trả trong phạm vi di sản do ông M chết để lại. Đối với bị đơn bà T có mặt giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, không yêu cầu phản tố; Đồng thời bổ sung thông tin: Đối với mẹ ruột ông M đã chết, còn cha ruột ông M đã rời bỏ mẹ con ông M lúc ông M còn nhỏ để lập gia đình khác, ở nơi khác, đến nay đã rất lâu không tin tức, nên bà không biết được hiện nay cha ruột ông M ở đâu, làm gì, còn sống hay đã chết, nên không cung cấp được thông tin cho Tòa án. Đối với bị đơn bà T1, bà D2, ông Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày. Các đương sự không yêu cầu triệu tập thêm người nào khác vào tham gia tố tụng; Không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, phía nguyên đơn ông Lê Văn P và bị đơn bà Nguyễn Thị T đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn bà Từ Ngọc Bích T1, bà Từ Ngọc D2, ông Từ Hữu Đ chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Vị đề nghị căn cứ vào quy định tại các Điều 357, 468, 513, 518, 519, 615 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 35, 39, 40, 92, 93, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

ông Lê Văn P; Buộc bà Nguyễn Thị T, bà Từ Ngọc Bích T1, bà Từ Ngọc D2, ông Từ Hữu Đ phải kế thừa nghĩa vụ của ông Từ Ngọc M (đã chết) trả cho ông P số tiền nợ tổng cộng là 131.952.000 đồng trả trong phạm vi di sản do ông M chết để lại; Trường hợp chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Ghi nhận việc ông P tự nguyện trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 275A cho bị đơn; Đình chỉ phần yêu cầu của ông P số tiền lãi 56.628.000 đồng chênh lệch so với đơn khởi kiện và phần yêu cầu với em Từ Hữu D2, do ông P tự nguyện rút; Ngoài ra, Vị đề nghị bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm, trừ trường hợp không phải nộp, miễn nộp và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Giữa ông Lê Văn P và ông Từ Ngọc M ký xác lập với nhau hợp đồng san lấp cát (Ông M là người thuê, còn ông P là người san lấp cát); Ông P đã thực hiện xong công việc san lấp cát, nhưng ông M đã chết khi chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thuê; Hiện nay vợ và các con ông Mai gồm bà Nguyễn Thị T, bà Từ Ngọc Bích T1, bà Từ Ngọc D2, ông Từ Hữu Đ đang trực tiếp quản lý di sản của ông M chết để lại, nên ông P kiện yêu cầu vợ con ông M trả lại tiền nợ, ông P tự nguyện trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang cất giữ. Nên đây là tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại xuất phát từ hợp đồng san lấp cát (là loại hợp đồng dịch vụ), được quy định tại các Điều 513, 518, 519, 615 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong 04 bị đơn, có 03 gồm bà Tạng, bà Tuyên, ông Đ có địa chỉ thường trú tại ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long; Nơi thực hiện hợp đồng san lấp cát cũng tại địa phương này. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điểm g, h khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về xác định tư cách người tham gia tố tụng:* Ông P khởi kiện tranh chấp với bà T, bà T1, bà D2, ông Đ; Ông P không trực tiếp tham gia tố tụng mà có văn bản ủy quyền cho bà Trần Thị D; Quá trình tố tụng vụ án đến tại phiên tòa, các bên đương sự thống nhất chỉ xác định được người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của ông M gồm vợ con ông Mai là bà T, bà T1, bà D2, ông Đ; Đối với mẹ ruột ông M chết đã lâu không rõ năm, còn cha ruột ông M không xác định được nhân thân và cư trú. Do đó, Tòa án xác định ông P là nguyên đơn; Bà D là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; Bà T, bà T1, bà D1, ông Đ là bị đơn. Các đương sự thống nhất không tranh chấp hay yêu cầu với ai khác trong cùng vụ án, nên không phát sinh thêm người tham gia tố tụng.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Đối với bà Từ Ngọc Bích T1, bà Từ Ngọc D2, ông Từ Hữu Đ cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này theo luật định.

[4] Tại phiên tòa, ông P do người đại diện hợp pháp là bà D xác nhận ông P tự nguyện rút một phần yêu cầu đòi tiền lãi 56.628.000 đồng do chênh lệch so với số tiền lãi nêu trong đơn kiện và rút phần khởi kiện đối với em Từ Hữu D2. Xét việc ông P rút một phần yêu cầu là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Tòa án đình chỉ các phần yêu cầu này của ông P.

[5] *Về nội dung khởi kiện*: Theo Điều 6 và Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chứng minh là nghĩa vụ của các bên đương sự. Giữa nguyên đơn ông Lê Văn P và bị đơn bà Nguyễn Thị T cùng thống nhất xác định: Có việc ông Từ Ngọc M là chồng bà T (Ông M đã chết năm 2024) có ký xác lập hợp đồng san lấp cát ngày 04-8-2022 với ông Phúc, người thuê là ông M, người san lấp cát là ông P; Theo đó, ông P thực hiện san lấp cát mặt bằng 800m² đất cho ông M và ông M thanh toán tiền cho ông P là 180.000.000 đồng; Ông P đã thực hiện xong công việc thỏa thuận, nhưng phía gia đình ông M chỉ mới thanh toán được 60.000.000 đồng; Bà T thống nhất số tiền hiện nay ông M còn nợ ông P là 120.000.000 đồng. Theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, những tình tiết mà các đương sự đều thừa nhận với nhau thì không phải chứng minh. Nên hợp đồng san lấp cát ngày 04-8-2022 giữa ông P với ông M là có thật và ông M còn nợ tiền ông P là sự thật.

[6] *Xét về tiền nợ gốc*: Ông P yêu cầu vợ con ông Mai là bà T, bà T1, bà D2, ông Đ trả 120.000.000 đồng trong phạm vi di sản do ông M chết để lại. Phía bị đơn trong quá trình tố tụng vụ án cho đến nay đã được Tòa án thông báo, nhưng không giao nộp chứng cứ gì để chứng minh số tiền còn nợ ông P. Tại Bản tự khai nộp cho Tòa án và tại phiên tòa, bà T xác nhận bà với 03 người con thống nhất nợ gốc theo yêu cầu của ông P và xin trả dần; Bà T cũng thống nhất với các chứng cứ ông P đã nộp có trong hồ sơ vụ án gồm bản gốc Tờ cam kết ngày 01-4-2025 (Do chính bà T ký tên hẹn thời gian trả nợ còn lại cho ông P) và bản gốc Hợp đồng san lấp cát ngày 04-8-2022. Hiện tại giữa ông P với bà T không thống nhất được về thời gian thanh toán tiền nợ; Ông P yêu cầu trả ngay; Còn bà T xin trả dần do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn. Ý kiến này của bị đơn, phía nguyên đơn không chấp nhận. Do cả hai bên đương sự không cung cấp chứng cứ chứng minh khả năng thanh toán nợ của bị đơn, nên Tòa án không có cơ sở xem xét ý kiến xin trả dần tiền nợ của bị đơn khi hai bên không thỏa thuận được với nhau về thời gian và cách thức trả nợ.

[7] *Xét về tiền lãi*: Theo đơn khởi kiện, ông P yêu cầu bà T, bà T1, bà D1, ông Đ trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 04-8-2023 đến ngày 25-5-2026 bằng 37 tháng 17 ngày là 68.580.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 26-5-2026 đến khi kết thúc vụ án. Nhưng tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của ông P xác định ông P thay đổi yêu cầu tính lãi là tính theo lãi suất 0,83%/tháng (10%/năm) kể từ ngày 05-8-2025 đến ngày xét xử tính tròn 12 tháng bằng 11.952.000 đồng và ông P tự nguyện rút phần yêu cầu trả tiền lãi chênh lệch so với đã nêu trong đơn khởi kiện là 56.628.000 đồng (= 68.580.000 đồng - 11.952.000

đồng). Xét yêu cầu trả lãi trên tiền nợ gốc của ông P là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Việc ông P thay đổi yêu cầu về mức lãi suất và rút một phần yêu cầu tiền lãi là phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc bị đơn xin bỏ lãi nhưng nguyên đơn không chấp nhận, thì Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[8] Theo Công văn số 159/CAX ngày 27-7-2026 của Công an xã B về việc cung cấp thông tin lưu trữ trong tàng thư cư trú, xác định được thành viên hộ ông Từ Ngọc M tại thời điểm được cấp quyền sử dụng đất (năm 1996) thửa số 275A có ông Mai (chủ hộ) và vợ là bà T, các con là bà T1, bà D1, ông Đ. Năm 2024, ông M chết nên xóa nhân khẩu, đổi chủ hộ thành bà T; Năm 2020 bà D1 chuyển hộ khẩu về Chung cư L, đường H, khu phố 40, phường B, thành phố Hồ Chí Minh; Năm 2023, ông Đ chuyển sang hộ khác cùng ấp P.

[9] Do ông Từ Ngọc M vi phạm nghĩa vụ của bên thuê là không thanh toán đủ tiền, chính sự vi phạm nghĩa vụ của ông M đã trực tiếp gây thiệt hại đến quyền lợi của ông P, nay ông M đã chết thì người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của ông M xác định được gồm có bà T, bà T1, bà D1, ông Đ phải kế thừa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho P số tiền gốc và lãi phát sinh đến ngày xét xử tổng cộng là 131.952.000 đồng trả trong phạm vi di sản do ông M chết để lại.

[10] Hai bên đương sự thống nhất: Sau khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn tự nguyện trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 275A, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.540m², loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long, do hộ bà Nguyễn Thị T đứng tên. Thỏa thuận này giữa các đương sự là tự nguyện và phù hợp luật định, nên cần ghi nhận.

[11] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của ông P được chấp nhận nên ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Đối với bà T, bà T1, bà D1, ông Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong phạm vi di sản mà ông M chết để lại tương ứng với số tiền phải trả cho ông P theo quy định tính tròn là 6.598.000 đồng (= 5% x 131.952.000 đồng), nhưng xét giảm phần án phí của bà T là 1.649.500 đồng, do bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn, được Tòa án chấp nhận; Còn lại bà T1, bà D1, ông Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong phạm vi di sản ông M chết để lại là 4.948.500 đồng.

[12] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 40, 70, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 235, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; các Điều 351, 357, 468, 513, 518, 519, 615 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 12, 14, 15, 26, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn P.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T, bà Từ Ngọc Bích T1, bà Từ Ngọc D1, ông Từ Hữu Đ [Là người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của ông Từ Ngọc M (Đã chết năm 2024)] phải thực hiện nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Lê Văn P số tiền thuê san lấp cát còn nợ là **131.952.000đ (Một trăm ba mươi một triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng)**, trả trong phạm vi các di sản của ông Từ Ngọc M chết để lại.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn P về việc giao trả lại cho bà Nguyễn Thị T, bà Từ Ngọc Bích T1, bà Từ Ngọc D1, ông Từ Hữu Đ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 909644, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số QSDĐ/133/QĐUBH, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh (cũ) cấp ngày 21-4-1996 cho hộ bà Nguyễn Thị T đứng tên, đối với thửa đất số 275A, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.540m², loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Lê Văn P đối với số tiền lãi chênh lệch so với đã nêu trong đơn khởi kiện là 56.628.000đ (Năm mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng) và phần yêu cầu đối với em Từ Hữu D2, do ông P tự nguyện rút lại.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Từ Ngọc Bích T1, bà Từ Ngọc D2, ông Từ Hữu Đ phải chịu 4.948.500đ (Bốn triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong phạm vi di sản mà ông Từ Ngọc M chết để lại.

- Hoàn trả lại cho ông Lê Văn P 4.715.000đ (Bốn triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0011160 ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 11 - Vĩnh Long;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo